

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

Số: 23 /CV-CTN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 26 tháng 02 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

Trụ sở chính: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, P.Đông Phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0213. 3878239 - Fax: 0213. 3876926

Người thực hiện công bố thông tin: **VÌ VĂN CHUNG** - Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, P.Đông Phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0904705578

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Nước sạch Lai Châu công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Nước sạch Lai Châu vào ngày 26/02/2020 (<http://capnuoclaichau.com.vn>)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHỦ TỊCH HĐQT



Vì Văn Chung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6200000230; Ngày cấp: 13/06/2017; Nơi cấp: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai Châu.
- Vốn điều lệ: 215.865,140 triệu đồng, với cơ cấu nguồn vốn là: Nhà nước nắm giữ 97,85%; cổ đông khác là 2,15%.
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 215.865,140 triệu đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
- Điện thoại: 02133 878 239 Fax: 02133 876 926
- Website: capnuoclaichau.com.vn
- Mã chứng khoán: LCW

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Nước sạch Lai Châu có quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tiền thân là Công ty Cấp thoát nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 31/01/2004 của UBND tỉnh Lai Châu.
- Ngày 30/12/2005, UBND tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước Lai Châu thành Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu.
- Ngày 31/03/2015 UBND tỉnh Lai Châu có Quyết định số 261/QĐ-UBND phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu thành Công ty cổ phần.
- Ngày 14/12/2015 Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất và ngày 05/01/2016 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Các sự kiện khác: Không

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh**
 - + *Quản lý vận hành các công trình cấp nước.*

- + Sản xuất và cung cấp nước sạch.
- + Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- + Xây dựng và lắp đặt các hệ thống cấp, thoát nước.
- + Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước, điện dân dụng.
- + Xây dựng các công trình: Dân dụng; giao thông; thủy lợi vừa và nhỏ; công trình điện từ 0,4 đến 35 KV.
- + Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.
- + Tư vấn, khảo sát thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- + Thoát nước và xử lý nước thải

- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Lai Châu

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô tả quản trị

- Công ty lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.
 - + Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần
- Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Giám đốc công ty: Chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.
- Phó giám đốc công ty: Phó giám đốc giúp việc cho giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động của công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- Các phòng ban chức năng: Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Ban Giám đốc công ty theo chức năng, nhiệm vụ và phối hợp với các chi nhánh trực thuộc thực hiện kế hoạch chung của công ty.
- + Các đơn vị trực thuộc: Các chi nhánh trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch chung của công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và 05 phòng, 07 đơn vị trực thuộc:

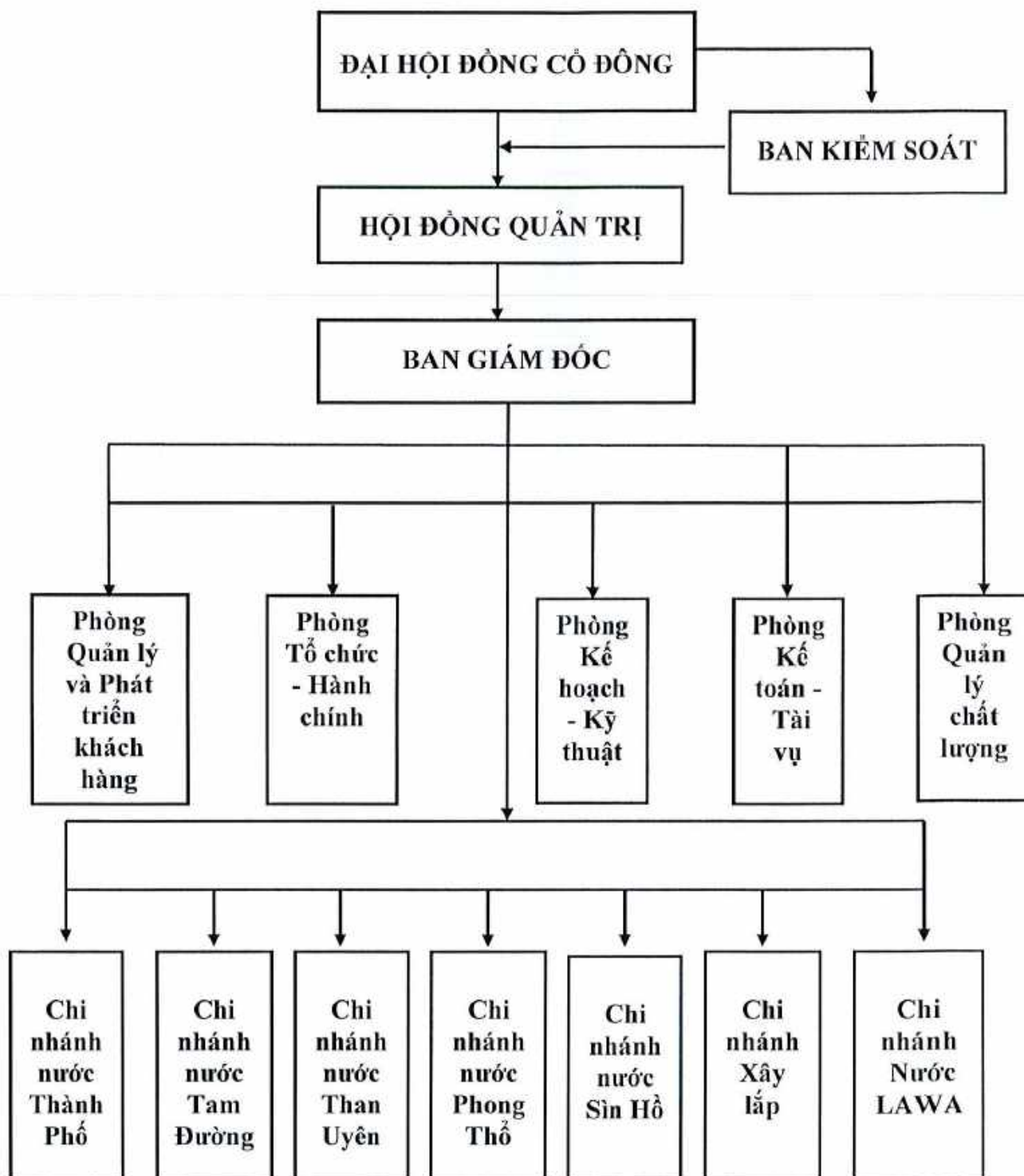
Phòng ban chức năng:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính
2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
3. Phòng Kế toán - Tài vụ
4. Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng
5. Phòng Quản lý chất lượng

Đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Nước thành phố
- Chi nhánh Nước Than Uyên
- Chi nhánh Nước Tam Đường
- Chi nhánh Nước Phong Thổ
- Chi nhánh Nước Sìn Hồ
- Chi nhánh Nước Lawa
- Chi nhánh Xây lắp

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phần đầu là doanh nghiệp đứng đầu của tỉnh Lai Châu trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định và từng bước phát triển bền vững.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của nhân dân trên các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước. Đảm bảo chất lượng nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Giảm lượng nước thất thoát, thất thu về mức trung bình chung của cả nước.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, từng bước tích lũy tài chính để mở rộng sản xuất và phát triển bền vững Công ty.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản trị điều hành hướng đến 1 doanh nghiệp bền vững và thân thiện.

Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân trên vùng phục vụ và 100% các hộ dân khu vực đô thị với tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, duy trì bền vững mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước theo hướng hiện đại, văn minh đạt trình độ hạ tầng cấp nước của những thành phố phát triển trong khu vực, tiến tới ngang tầm với hệ thống cấp nước của các nước phát triển trên thế giới.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong những năm tiếp theo với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau để hiện thực hóa chiến lược phát triển của Công ty:

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các dự án để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các đề án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.
- Tận dụng tối đa và có hiệu quả các chính sách ưu tiên, ưu đãi của nhà nước đối với lĩnh vực cấp nước để phát triển hệ thống cấp nước một cách đồng bộ, từ nguồn nước, nhà máy xử lý cho đến mạng lưới truyền dẫn, phân phối và hộ tiêu thụ. Cập nhật đầy đủ các yếu tố chi phí sản xuất làm cơ sở để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kịp thời giá nước theo nguyên tắc thị trường, tính đúng, tính đủ.
- Tăng cường đối thoại và giao tiếp với khách hàng, đổi mới phương thức phục vụ, lấy khách hàng là trung tâm của mọi kế hoạch phát triển.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới 20%.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ bao phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực Công ty, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Công ty xác định duy trì cấp nước ổn định và từng bước tăng dần tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước do Công ty cung cấp để nâng cao chất lượng đời sống người dân, góp phần ổn định tình hình xã hội trên địa bàn toàn tỉnh Lai Châu hiện nay và những năm tiếp theo.

Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm nước máy, nước uống đóng chai hay các sản phẩm trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng hệ thống cấp nước.

Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Đảm bảo cung ứng đủ nước cho thành phố và các huyện thuộc tỉnh khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

6. Các rủi ro

- Nguồn nước khai thác: Là nguyên liệu chính để sản xuất kinh doanh nhưng lại phụ thuộc vào thiên nhiên, sản lượng nước sản xuất và chất lượng nguồn nước thay đổi theo mùa, theo năm, về lâu dài có nguy cơ cạn kiệt.

- Rủi ro từ thiên tai: Trong những năm qua tình hình biến đổi khí hậu, diễn biến phức tạp, mưa kéo dài gây ra lũ quét và sạt lở đất gây ra nhiều sự cố gãy, hỏng, trôi mất tuyến ống truyền tải làm gián đoạn công tác cấp nước và phát sinh nhiều chi phí để khắc phục sự cố.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Công tác sản xuất kinh doanh trong năm:

Những mặt đã đạt được:

- Năm 2019, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo UBND tỉnh, sự phối kết hợp của các sở ban ngành và lãnh đạo Công ty, sự phối hợp tốt với chính quyền địa phương và sự đoàn kết, nhất trí cao của tập thể CBNV - LĐ, mặc dù khối lượng công việc phải thực hiện rất lớn song Công ty CP Nước sạch Lai Châu đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao cụ thể:

+ Tổng doanh thu đạt 35.822 triệu đồng, tăng 6,4% so với năm 2018

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 360,7 triệu đồng, tăng 1,9% so với năm 2018

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn trong tỉnh do Công ty quản lý với chất lượng dịch vụ cao.

- Thực hiện tốt dịch vụ cung cấp nước

- Hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/KH (%)	So với năm trước (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Trđ	34.103	32.450	35.822	110,39	105,04
1.1	Tổng doanh thu	Trđ	33.675	32.250	35.553	110,24	105,58
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	Trđ	428	200	269	134,50	62,85
2	Tổng chi phí	Trđ	33.749	32.090	35.462	110,51	105,08
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	354	360	360,7	100,19	101,89
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Trđ	3.525	3.500	5.216	149,03	147,97
5	Vốn chủ sở hữu	Trđ	220.571	227.369	215.865	94,94	97,87
6	Tỷ suất LNST/VCSH	%	0,16	0,16	0,17	106,25	106,25

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Ban điều hành	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết	Các chứng khoán khác do Công ty phát hành
1	Ông Vi Văn Chung	- Ngày sinh: 30/12/1975 - Nơi sinh: Mường nhà, Điện Biên, Điện Biên - Nơi đăng ký HKTT: Bản Tả Làn Than, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Bản Tả Làn Than, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty	0,1075%	

2	Ông Nguyễn Văn Trường	- Ngày sinh: 07/5/1964 - Nơi sinh: Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình - Nơi đăng ký HKTT: Tổ 22, P.Đông Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Tổ 22, P.Đông Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty	0,0463%	
3	Bà Trần Thị Ánh Tuyết	- Ngày sinh: 02/9/1973 - Nơi sinh: Tây Cốc, Đoan Hùng, Phú Thọ - Nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, P.Tân Phong, TP Lai Châu, T.Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Tổ 3, P.Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Xã hội học - Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý chất lượng	0,0371%	
4	Ông Nguyễn Chí Công	- Ngày sinh: 02/9/1973 - Nơi sinh: Tây Lương, Tiễn Hải, Thái Bình - Nơi đăng ký HKTT: Tổ 19, P.Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Tổ 19, P.Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng - Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý và PTKH	0,0278%	
5	Ông Phạm Công Hợp	- Ngày sinh: 02/9/1973 - Nơi sinh: Mỹ Thành, Yên Thành, Nghệ An - Nơi đăng ký HKTT: Tổ 14, P.Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Tổ 14, P.Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh nước thành phố, thuộc Công ty	0,0463%	
6	Bà Đỗ Thúy An	- Ngày sinh: 15/6/1990 - Nơi sinh: San Thành, Phong Thổ, Lai Châu - Nơi đăng ký HKTT: Tổ 23, P.Đông Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Nơi ở hiện nay: Tổ 23, P.Đông Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Chức vụ: Kế toán trưởng	0,0116%	

- Những thay đổi trong ban điều hành: không

- Số lượng cán bộ, CNVC - LĐ: 142 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, xây dựng cơ chế tiền lương, tiền thưởng phù hợp, tạo động lực thúc đẩy tăng năng xuất lao động, đảm bảo tiền lương và thu nhập ổn định cho người lao động.

+ Công ty chú trọng công tác đầu tư nguồn nhân lực: Thường xuyên tổ chức cho CBNV học tập các chế độ chính sách mới của nhà nước, đào tạo tay nghề bậc thợ,

chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức các buổi tọa đàm, chuyên đề, tuyên truyền nâng cao nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ, đóng góp ý kiến, giải pháp để nâng cao chất lượng lao động, thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trên cơ sở kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua. Công ty đã thực hiện rà soát, đánh giá nhu cầu đầu tư tài sản để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản hiện có, tiết kiệm các chi phí cho Công ty và phát triển khách hàng tiềm năng, khách hàng mới. Cụ thể:

* Đầu tư TSCĐ: Công ty đã thực hiện đầu tư 10 hạng mục công trình

* Đầu tư tài chính ngắn hạn: 8.618 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	233.510,651	231.081,601	-1,04
Doanh thu thuần	33.675	35.553	5,58
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	438,05	995,51	127,3
Lợi nhuận khác	31,09	-417,93	-1444
Lợi nhuận trước thuế	469,14	577,58	18,8
Lợi nhuận sau thuế	354	360,7	1,89
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60%/LNST	60%/LNST	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSNH/Nợ ngắn hạn</i>	1,37	1,72	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>	0,96	1,29	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<i>Hệ số nợ / Tổng TS</i>	5,54	4,58	
<i>Hệ số nợ / Vốn chủ SH</i>	5,99	4,91	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>GVHB/Hàng tồn kho BQ</i>	4,67	5,27	
+ Hiệu suất sử dụng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>	14,42	15,39	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ <i>Hệ số LNST/ Doanh thu thuần</i>	1,05	1,01	
+ <i>Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu</i>	0,16	0,17	
+ <i>Hệ số LNST/Tổng tài sản</i>	0,15	0,16	
+ <i>Hệ số LN từ HĐKD /DTT</i>	1,3	2,8	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 21.586.514 cổ phần
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (Số cổ phần CBCNV công ty đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp cổ phần hóa): 263.000 cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
UBND tỉnh Lai Châu	21.121.914	97,85
Cổ đông phổ thông	444.600	2,06
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,09
Tổng cộng	21.586.514	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất: Lượng nước thô dùng để sản xuất nước sạch là 5.850.000m³/năm.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Hiện nay công ty chưa thực hiện tái sử dụng lượng nước sục rửa trạm xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tổng điện năng dùng để sản xuất kinh doanh là 552.839 kw/năm, tương đương với số tiền hơn 1,063 tỷ đồng.

b. Năng lượng tiết kiệm được qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Chưa có

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sản lượng nước sản xuất kinh doanh: 148.547 m³/năm.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Chưa thực hiện việc tái sử dụng nước.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

b. Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tổng số lao động tính đến hết năm 2019 là 142 người; mức lương trung bình đối với người lao động là 6,90 triệu đồng/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách, đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động theo đúng quy định.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm công ty vẫn tổ chức cho người lao động trong công ty tham gia các lớp tập huấn, nâng cao trình độ kỹ năng trong các lĩnh vực như: Chống thất thu, thất thoát nước sạch, quản lý và chăm sóc khách hàng, công tác văn thư - lưu trữ, hóa nghiệm nước, quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp.....

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, công ty vẫn thường xuyên thực hiện tốt công tác an sinh xã hội như hoạt động quyên góp, ủng hộ và hỗ trợ cho trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào bị thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh.....

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

Trong năm qua, tập thể lãnh đạo, công nhân viên chức - người lao động trong Công ty đã đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu hoàn thành và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra và tăng so với thời kỳ năm 2018. Cụ thể:

+ Tổng doanh thu đạt 35.822 triệu đồng, tăng 6,4% so với năm 2018

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 577,58 triệu đồng, tăng 23,1% so với năm 2018

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 360,7 triệu đồng, tăng 1,89 % so với năm 2018

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 là 231.081 triệu đồng giảm 1,04 % so với năm 2018

b. Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả ngày 31/12/2019 là 10.590 triệu đồng giảm 18,1% so với năm 2018.

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện năng lực tài chính có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019 là 1,72 cho thấy khả năng trả nợ của doanh nghiệp an toàn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:

- Trách nhiệm đối với môi trường được Công ty xác định là một trong những tiêu chí phát triển bền vững và là vấn đề quan trọng với Công ty. Với ngành nghề chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến chất lượng nước đảm bảo quy định của Bộ Y tế. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm.

- Công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, lựa chọn sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng. Hạn chế hoạt động của các trạm xử lý sử dụng bơm, mà tận dụng tối đa thuận lợi về địa hình để sử dụng các nguồn nước tự chảy.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động: Tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ổn định so với mặt bằng chung người lao động trong tỉnh. Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

- Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, trong những năm qua Công ty tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức vào các phong trào: hỗ trợ giáo dục, bảo trợ xã hội, ủng hộ người nghèo.....

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng giá nước tiêu thụ nhỏ hơn đối với vùng nông thôn, khu vực có thu nhập thấp, hộ nghèo và gia đình chính sách.

2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc đã tổ chức điều hành Công ty thực hiện các nhiệm vụ chính trị, SXKD năm 2019 theo chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

quản trị giao đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương, khắc phục những khó khăn đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu SXKD đề ra.

- Hoạt động của Ban Giám đốc công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ và các nghị quyết của HĐQT công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban giám đốc và toàn thể cán bộ CNVC-LĐ đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu quản trị và điều hành công ty hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao năm 2020 với các kế hoạch và định hướng:

- Tiếp tục thực hiện thoái hóa vốn nhà nước theo quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng chính phủ và chủ trương của UBND tỉnh Lai Châu.

- Mở rộng địa bàn cấp nước ra các vùng ven trung tâm các đô thị, tăng tỷ lệ dân số được cấp nước. Tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo nhu cầu dùng nước của tất cả khách hàng trên địa bàn. Xây dựng hình ảnh doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị cho phù hợp với thực tế, dựa trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các văn bản pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời phát hiện các sai sót để khắc phục. Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm.

Năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực vượt qua mọi thách thức để giữ vững ổn định và phát triển trong hoạt động của doanh nghiệp, thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của hội Đồng quản trị:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CÓ PHẢN BIỂU QUYẾT	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP/THÀNH VIÊN KHÔNG ĐIỀU HÀNH/THÀNH VIÊN KHÁC
1	Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc C.ty	0,1075%	Điều hành

2	Ông Nguyễn Văn Trường	TVHĐQT - Phó Giám đốc C.ty	0,0463%	Điều hành
3	Bà Trần Thị Ánh Tuyết	TVHĐQT - Trưởng phòng quản lý chất lượng	0,0371%	Không điều hành
4	Ông Nguyễn Chí Công	TVHĐQT - Trưởng phòng Quản lý và Phát triển khách hàng C.ty	0,0278%	Không điều hành
5	Ông Phạm Công Hợp	TVHĐQT - Giám đốc Chi nhánh nước thành phố C.ty	0,0463%	Không điều hành

* Thành viên hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại Công ty khác: Không có

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện tại Công ty không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

c. Hoạt động của hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ để thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được tiến hành đúng thủ tục. Những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Việc thảo luận, biểu quyết thực hiện công khai, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và điều lệ của Công ty.

- Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.

Hội đồng quản trị đã tổ chức và thông qua 12 nghị quyết, cụ thể:

STT	NGÀY THÁNG	BIÊN BẢN	NGHỊ QUYẾT
1	14/01/2019	V/v về vay vốn, bảo lãnh, mở L/C và sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
2	21/01/2019	V/v chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nhiệm kỳ 2016 - 2020	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
3	31/01/2019	V/v Triển khai Kế hoạch công tác SXKD trong dịp tết nguyên đán năm 2019	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.

4	14/02/2019	V/v Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch SXKD năm 2019 để tiến hành ĐHCĐ thường niên năm 2019.	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
5	28/02/2019	Biên bản ĐHCĐ thường niên năm 2019	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
6	12/3/2019	V/v Triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
7	26/4/2019	V/v Thành lập Phòng Quản lý Chất lượng Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
8	18/6/2019	V/v Chỉ đạo sơ kết tình hình SXKD 6 tháng đầu năm, phương hướng 6 tháng cuối năm.	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
9	21/7/2019	Về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
10	09/9/2019	Sơ kết tình hình SXKD quý III, chỉ đạo triển khai sản xuất kinh doanh quý IV.	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
11	27/11/2019	Họp chỉ đạo việc tổng kết tình hình SXKD năm 2019 và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020; Họp về công tác cán bộ của công ty.	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.
12	28/12/2019	Họp v/v Quyết toán các dự án hoàn thành năm 2019	Kết quả cuộc họp biểu quyết thông qua 100%.

2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thị Thà	Trưởng ban kiểm soát	0%
2	Đỗ Văn Trung	TV BKS	0,0176%
3	Phạm Thị Thương Huyền	TV BKS	0,0130%

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát

b. Hoạt động của ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung như:

- Xây dựng kế hoạch làm việc của Ban trong năm 2019.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Giám sát cũng như thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thực hiện quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm tra giám sát hoạt động tài chính năm 2019 của Công ty.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc thực hiện pháp luật của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Tổ chức họp của Ban Kiểm soát: Trong năm BKS tổ chức họp 4 lần vào cuối quý I, II, III và cuối quý IV để kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

- Các cuộc họp ban kiểm soát:

STT	Ngày, tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	04/4/2019	3/3	Họp đánh giá tình hình thực hiện kiểm soát quý I năm 2019
2	09/7/2019	3/3	Họp đánh giá tình hình thực hiện kiểm soát quý II năm 2019
3	04/10/2019	3/3	Họp đánh giá tình hình thực hiện kiểm soát quý III năm 2019
4	07/01/2020	3/3	Họp triển khai công tác kiểm soát hoạt động SXKD, hoạt động tài chính; giám sát hoạt động của HĐQT, BGĐ năm 2019

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thù lao, các khoản lợi ích

- Tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí trang thiết bị văn phòng, đi lại... khi thực hiện trách nhiệm của mình.

- Kinh phí thù lao của HĐQT và BKS năm 2019:

+ Kinh phí thù lao được giao: 240.000.000 đồng

+ Kinh phí thù lao đã thực hiện : 240.000.000 đồng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong niên độ hoạt động năm 2019, Công ty đã tập trung, cố gắng xây dựng một số các quy định chính về quản trị Công ty, đảm bảo công ty hoạt động ổn định. Thời gian tới sẽ tiếp tục hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản liên quan đến công tác quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm soát:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens).

- Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 - 203 Đường Cách mạng tháng 8, phường 4, quận 3, TP Hồ Chí Minh

2. Ý kiến của kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trên đây là nội dung báo cáo thường niên năm 2019 Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Văn Chung